

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC TRỌNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/DS-ST
Ngày: 18 - 3 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Hoàng
- Ông Võ Khắc Chương

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thảo Trang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 379/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2024, về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị O, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Số X, đường H, thị trấn V, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Ông Đỗ Tiến T và bà Nguyễn Thị D.

Địa chỉ: Số Y, đường C, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI D V VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 7 năm 2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Trần Thị O trình bày:

Ngày 12/9/2023 vợ chồng ông Đỗ Tiến T và bà Nguyễn Thị D có vay của bà số tiền 2.310.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm mười triệu đồng), mục đích vay để đảo hạn Ngân hàng, thời hạn vay là 01 tháng, tức ngày 12/10/2023 ông bà sẽ hoàn trả. Lãi suất vay hai bên thỏa thuận miệng là 3%/tháng. Ông T, bà D đã nhận đủ tiền và viết giấy vay và cam kết trả nợ ngày 12/9/2023, ghi rõ ông bà đã nhận đủ tiền, chữ viết trong giấy vay ngày 12/9/2023 là do bà D viết và ông bà ký tên. Ngày 14/9/2023 vợ chồng T D vay thêm của bà số tiền 75.000.000 đồng. Ngày 19/9/2023 vợ chồng T D vay thêm của bà số tiền 20.000.000 đồng. Hai lần vay sau vợ chồng T D không viết giấy vay, bà chuyển khoản vào tài khoản của bà D (tài khoản số 5402205334110 Ngân hàng Agribak) ngày 14/9/2023 số tiền 75.000.000 đồng và ngày 19/9/2023 chuyển khoản số tiền 20.000.000 đồng. Khi chuyển khoản cho vợ chồng T D vay bà chỉ ghi nội D “Trần Thị O chuyển khoản Nguyễn Thị D”. Tổng số tiền ba lần vợ chồng T D vay bà là 2.405.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm lẻ năm triệu đồng). Đến hạn trả nợ bà đòi rất nhiều lần nhưng vợ chồng T D luôn khất lần không trả, đến nay cũng không trả cho bà cả gốc và lãi. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Đỗ Tiến T và bà Nguyễn Thị D trả cho bà số tiền gốc là 2.405.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm lẻ năm triệu đồng) và tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 12/9/2023 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc, không có ý kiến trình bày, không có yêu cầu phản tố.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 95.000.000 đồng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 2.310.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày vay 12/9/2023 đến ngày xét xử 18/3/2025 tính tròn 18 tháng là 690.228.000 đồng, tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là 3.000.228.000 đồng (ba tỷ hai trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự khiến vụ án kéo dài thời gian giải quyết.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị O về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn ông Đỗ Tiến T và bà Đỗ Thị D. Buộc ông Đỗ Tiến T và bà Đỗ Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị O số tiền gốc 2.310.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 13/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc 95.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Xuất phát từ việc nguyên đơn cho bị đơn vay tiền nhưng đến hạn bị đơn không trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 2.405.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 12/9/2023 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án, bị đơn không đồng ý nên hai bên phát sinh tranh chấp. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn cư trú tại thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc 95.000.000 đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[3] Về nội D tranh chấp:

[3.1] Ngày 12/9/2023 vợ chồng ông Đỗ Tiến T và bà Nguyễn Thị D có vay của bà Trần Thị O số tiền 2.310.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm mười triệu đồng), mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng, thời hạn vay là 01 tháng, trong giấy vay tiền không thể hiện tiền lãi. Theo bà O giấy vay/ mượn tiền và cam kết trả nợ ngày 12/9/2023 do bà Nguyễn Thị D tự viết và hai vợ chồng ông T, bà D ký tên người

vay. Đến hạn ông T, bà D không trả tiền cho bà nên bà O yêu cầu vợ chồng ông T, bà D trả số tiền 2.310.000.000 đồng.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

[3.2.1] Đối với yêu cầu trả nợ gốc 2.310.000.000 đồng: Căn cứ khởi kiện nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là bản gốc giấy thể hiện nội D giấy vay/mượn tiền và cam kết trả nợ ngày 12/9/2023, có chữ ký người vay tiền Nguyễn Thị D, người làm chứng Đỗ Tiến T, mặt sau có nội D “12/9/2023, hai vợ chồng anh chị D T đã nhận đủ số tiền 2,310.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm mười triệu đồng), có chữ ký Đỗ Tiến T, Nguyễn Thị D”.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T và bà D để ông T và bà D thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng ông T và bà D không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, căn cứ tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp có cơ sở để khẳng định ông T và bà D có vay của bà O số tiền 2.310.000.000 đồng, ông T và bà O chưa trả cho bà O. Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự cần buộc ông Đỗ Tiến T và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị O số tiền gốc là 2.310.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm mười triệu đồng).

[3.2.2] Đối với yêu cầu trả lãi: Tại giấy vay/mượn tiền và cam kết trả nợ ngày 12/9/2023 thể hiện thời hạn vay là 01 tháng, trong giấy vay không thể hiện lãi suất vay nên xác định đây là hợp đồng vay có thời hạn nhưng không có lãi. Sau thời hạn 01 tháng bị đơn không trả nên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi là có căn cứ. Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày vay 12/9/2023 là không có cơ sở xem xét vì trong giấy vay không thể hiện lãi suất và không có căn cứ xác định mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,66%/tháng tính từ ngày vay. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận mức lãi suất 1,66%/tháng theo yêu cầu của nguyên đơn mà chỉ chấp nhận mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) tính từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ (ngày 13/10/2023) đến ngày xét xử sơ thẩm (18/3/2025), số tiền lãi cụ thể được tính như sau: Tiền gốc 2.310.000.000 đồng x 10%/năm (0,83%/tháng) x 17 tháng 04 ngày = 328.497.400 đồng.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp

nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Lẽ ra nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận, tuy nhiên do nguyên đơn sinh năm 1963, tính đến thời điểm xét xử đã trên 60 tuổi nên cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị O về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn ông Đỗ Tiến T và bà Nguyễn Thị D đối với số tiền gốc 95.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị O về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn ông Đỗ Tiến T và bà Nguyễn Thị D. Buộc ông Đỗ Tiến T và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị O số tiền 2.638.497.400 đồng (hai tỷ sáu trăm ba mươi tám triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm đồng), trong đó tiền gốc 2.310.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm mười triệu đồng), tiền lãi là 328.497.400 đồng (ba trăm hai mươi tám triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị O đối với yêu cầu ông Đỗ Tiến T và bà Nguyễn Thị D thanh toán số tiền lãi 361.730.600 đồng (ba trăm sáu mươi một triệu bảy trăm ba mươi nghìn sáu trăm đồng).

4. Về án phí: Buộc ông Đỗ Tiến T và bà Nguyễn Thị D phải chịu 84.769.948 đồng (tám mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm bốn mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị O.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị O có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đỗ Tiến T, bà Nguyễn Thị D vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA DS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thị Hằng